TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 05 - 6 - 2025.
V/v ly hôn giữa bà T và ông T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Ngọc Thu.

Ông Lê Văn Thới.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 103/2025/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số nhà 70, đường P, Khóm N, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

- ***Bị đơn***: Ông Bùi Thanh T, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số nhà 71, đường P, Khóm N, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 20 tháng 3 năm 2025 nguyên đơn bà Lê Thị Kim T trình bày: Bà và ông T sau thời gian tìm hiểu đi đến hôn nhân năm 1999, sau này mới đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 6 năm 2021, Bà cùng ông T chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay.

Vì mâu thuẫn nêu trên, nên bà T yêu cầu giải quyết được ly hôn với ông T. Bà và ông T chung sống với nhau có 02 người con chung tên Bùi Kim P, sinh ngày 21 tháng 12 năm 1999 và Bùi Thanh T, sinh ngày 23/5/2005, các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ông Bùi Thanh T thừa nhận lời trình bày của bà T là đúng. Tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn, vì ông còn thương bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị Kim T và và ông Bùi Thanh T chung sống với nhau từ năm 1999, đến năm 2021 thì đăng ký kết hôn đúng trình tự quy định của pháp luật. Sống chung với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, từ đó đã sống ly thân, nên bà T có đơn yêu cầu xin được ly hôn với ông T, ông T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố V.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo chứng cứ do bà T cung cấp có trong hồ sơ vụ án, thể hiện bà T và ông T có đăng ký kết hôn vào ngày 21 tháng 6 năm 2021. Thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn và không tự giải quyết được, cuộc sống không hạnh phúc dẫn đến việc bà T và ông T sống ly thân, mặc dù ông T không muốn ly hôn, nhưng ông cũng không có ý kiến gì để bà T thay đổi việc xin ly hôn, qua hòa giải tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, bà Tuyền vẫn cương quyết xin ly hôn, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, nên xét thấy việc bà T yêu cầu được ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà T và ông T chung sống với nhau có 02 người con chung tên Bùi Kim P, sinh ngày 21 tháng 12 năm 1999 và Bùi Thanh T, sinh ngày 23/5/2005, các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, nên không phải xem xét

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình phải chịu tiền án phí, do đó bà Tuyền phải nộp án phí số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị Kim T ly hôn ông Bùi Thanh T.

2. Về án phí sơ thẩm:

Buộc bà Lê Thị Kim T nộp 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng*) bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu tiền số 0007813 ngày 01/4/2025, bà T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hồ Thanh Hồng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- UBND Phường B, thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.